TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:114/2023/QĐST-HNGĐ	*Phổ Yên, ngày 14 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Vũ Anh C, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Chị Đào Thu H(tức H1), sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Anh C và chị Đào Thị Thu H (tức H1).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Vũ Anh C và chị Đào Thu H (tức H1) đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Vũ Thế P, sinh ngày 19/05/2008 và Vũ Thế A, sinh ngày 04/01/2012.

AnhC, chị H (tức H1) thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị Đào Thu H (tức H) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là: Vũ Thế P, sinh ngày 19/05/2008 và Vũ Thế A, sinh ngày 04/01/2012 cho đến khi con trưởng thành đủ 18

tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con và không ai được cản trở. Cha, Mẹ, trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh C, chị Hg (tức H1) thống nhất thỏa thuận: Chị H (tức H1) nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh C đến khi chị H (tức H1) có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Anh C, chị H (tức H1) đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về Nợ chung, các khoản cho vay chung: Anh C, chị H (tức H1) đều xác định: Trong quá trình chung sống anh chị không có nợ chung, các khoản cho vay chung, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh C, chị H thống nhất thỏa thuận anh C chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PY tại Biên lai thu số 0001543 ngày 13/7/2023. Hoàn trả lại cho anh C 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- THADS thành phố PY;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND phường BH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy